

Số: 613 /TM-BVT

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Tim Hà Nội có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho Gói thầu số 02: “Vật tư ngoại khoa” thuộc dự toán mua sắm hoá chất, vật tư tiêu hao năm 2024 của Bệnh viện Tim Hà Nội với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Tim Hà Nội. (Địa chỉ: 92 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội).
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phạm Thị Nhiệm – SĐT: 0388756935.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Văn thư, tầng 4, nhà B, Bệnh viện Tim Hà Nội.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ 00 phút ngày 28 tháng 02 năm 2024 đến trước 16 giờ 30 phút ngày 18 tháng 03 năm 2024.
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 18 tháng 03 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục vật tư y tế: (Danh mục hàng hoá chi tiết kèm theo).
- Địa điểm cung cấp hàng hoá:
 - Cơ sở 1: kho Vật tư TBYT, số 92 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
 - Cơ sở 2: kho Vật tư TBYT, Đường Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
- Thời gian giao hàng dự kiến: Quý II năm 2024 (tùy theo thời gian Hợp đồng ký kết).
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

Kính đề nghị Quý đơn vị quan tâm, gửi báo giá kèm Thư mời này đến Bệnh viện Tim Hà Nội.

Trân trọng thông báo! ✍

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website BV Tim HN;
- Lưu: VT, VTTBYT. (Nhiệm)

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Sinh Hiền

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Tim Hà Nội

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Tim Hà Nội (Yêu cầu báo giá số /TM-BVT ngày tháng năm 2024 của Bệnh viện Tim Hà Nội), chúng tôi.... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hoá chất/vật tư y tế như sau:

1. Báo giá cho các vật tư y tế và các dịch vụ liên quan:

T T	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật/ thành phần	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Quy cách đóng gói	Tên thương mại	Hãng/ Nước sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá (VN D)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
1														
2														
n														

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của các hoá chất/vật tư y tế).

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: __ ngày, kể từ ngày __ tháng __ năm __ [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày __ tháng __ năm __ [ghi ngày..tháng..năm.. kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các hoá chất/vật tư y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng.... năm...

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)

DANH MỤC GÓI THẦU SỐ 02: "VẬT TƯ NGOẠI KHOA"

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 613 /TM-BVT ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Bệnh viện Tim Hà Nội)

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu tối thiểu	Quy cách đóng gói tối thiểu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Chỉ không tiêu đơn sợi khâu mạch máu số 7/0, kim cài tiến	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi polypropylene hoặc tương đương số 7/0 dài $\geq 60\text{cm}$, 2 kim tròn đầu cắt dài $\geq 9\text{mm}$, 3/8 vòng tròn, bằng hợp kim tungsten-rhenium, độ bền kéo của kim $\geq 3000\text{ Mpa}$.	36 sợi/ hộp	Sợi	36	
2	Chỉ thép khâu xương ức số 5	Chỉ thép khâu xương ức số 5 dài $\geq 45\text{cm}$, kim tròn đầu cắt dài $\geq 48\text{mm}$, 1/2 vòng tròn	48 sợi/ hộp	Sợi	1776	
3	Chỉ thép khâu xương ức số 1	Chỉ thép khâu xương ức số 1 dài $\geq 45\text{cm}$, kim tròn đầu cắt dài $\geq 37\text{mm}$, 1/2 vòng tròn	48 sợi/ hộp	Sợi	96	
4	Chỉ phẫu thuật số 3/0	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polyamide hoặc tương đương số 3/0 dài $\geq 70\text{cm}$, 1 kim tam giác ngược dài $\geq 24\text{mm}$ phủ silicone, 3/8 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molyp đen, Sắt, độ bền kéo của kim $\geq 2500\text{ Mpa}$, thân kim có rãnh.	12 sợi/ hộp	Sợi	588	
5	Chỉ không tiêu đơn sợi khâu mạch máu 3/0	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi polypropylene hoặc tương đương số 3/0 dài $\geq 90\text{cm}$, 2 kim tròn dài $\geq 25\text{mm}$, 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molyp đen, Sắt, độ bền kéo của kim $\geq 2500\text{ Mpa}$, thân kim có rãnh.	12 sợi/ hộp	Sợi	300	
6	Chỉ không tiêu đơn sợi khâu mạch máu 6/0	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi polypropylene số 6/0, dài $\geq 60\text{cm}$, 2 kim tròn dài $\leq 9.5\text{mm}$, 3/8 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molyp đen, Sắt, độ bền kéo của kim $\geq 2500\text{ Mpa}$	36 sợi/ hộp	Sợi	960	
7	Chỉ không tiêu đơn sợi khâu mạch máu 7/0	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi polypropylene hoặc tương đương số 7/0 dài $\geq 60\text{cm}$, 2 kim tròn dài $\leq 9.5\text{mm}$, 3/8 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molyp đen, Sắt, độ bền kéo của kim $\geq 2500\text{ Mpa}$	12 sợi/ hộp	Sợi	348	
8	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi, số 3/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 hoặc tương đương số 3/0 dài $\geq 70\text{cm}$, kim tròn đầu vuốt hình thoi dài $\geq 26\text{ mm}$ 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molyp đen, Sắt, độ bền kéo của kim $\geq 2500\text{ Mpa}$, thân kim có rãnh.	12 sợi/ hộp	Sợi	204	
9	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi, số 0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 hoặc tương đương số 0 dài $\geq 75\text{cm}$, 1 kim tròn đầu vuốt hình thoi dài $\geq 35\text{ mm}$ 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molyp đen, Sắt, độ bền kéo của kim $\geq 2500\text{ Mpa}$, thân kim có rãnh.	12 sợi/ hộp	Sợi	900	
10	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi, số 2	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 hoặc tương đương số 2 dài $\geq 75\text{cm}$, 1 kim tròn đầu cắt dài $\geq 45\text{ mm}$ 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molyp đen, Sắt, độ bền kéo của kim $\geq 2500\text{ Mpa}$	12 sợi/ hộp	Sợi	192	
11	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp đa sợi, số 3/0	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 hoặc tương đương số 3/0 dài $\geq 75\text{cm}$, 1 kim tam giác dài $\geq 19\text{mm}$, 3/8 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molyp đen, Sắt, độ bền kéo của kim $\geq 2500\text{ Mpa}$	12 sợi/ hộp	Sợi	1284	
12	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp đa sợi, số 4/0	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 hoặc tương đương số 4/0 dài $\geq 75\text{cm}$, 1 kim tam giác dài $\geq 19\text{mm}$, 3/8 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molyp đen, Sắt, độ bền kéo của kim $\geq 2500\text{ Mpa}$	12 sợi/ hộp	Sợi	168	
13	Chỉ không tiêu đơn sợi cỡ 4.0	Chỉ không tiêu đơn sợi chất liệu PTFE hoặc tương đương số 4/0 dài $\geq 75\text{cm}$; 2 kim 3/8 dài $\geq 13\text{mm}$	12 sợi/ hộp	Sợi	24	
14	Chỉ không tiêu đơn sợi cỡ 3.0	Chỉ không tiêu đơn sợi chất liệu PTFE hoặc tương đương số 3/0 dài $\geq 75\text{cm}$; 2 kim 3/8 dài $\geq 13\text{mm}$	12 sợi/ hộp	Sợi	108	
15	Chỉ khâu tự tiêu số 4/0	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp đơn sợi glyconate hoặc tương đương, số 4/0. Dài $\geq 45\text{cm}$, kim tam giác dài 19mm.	36 sợi/hộp	Sợi	324	
16	Chỉ khâu tự tiêu số 3/0	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp đơn sợi glyconate hoặc tương đương, số 3/0. Dài $\geq 65\text{cm}$, kim tam giác dài 19mm.	36 sợi/hộp	Sợi	1224	
17	Chỉ điện cực tim 3/0	Chỉ điện cực tim số 3/0, 1 kim tròn 1/2 vòng tròn dài $\geq 12\text{mm}$, 1 kim thẳng dài 51mm.	72 Sợi/ hộp	Sợi	2448	
18	Miếng đệm 6mm x 3mm	Miếng đệm phẫu thuật PTFE hoặc tương đương kích thước 6x3x1.5mm ($\pm 5\%$)	216 miếng/ hộp	Miếng	6048	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu tối thiểu	Quy cách đóng gói tối thiểu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
19	Chỉ không tiêu đơn sợi khâu mạch máu số 5/0 (kim 17mm)	Chỉ không tiêu đơn sợi phức hợp polypropylene hoặc tương đương, số 5/0, dài ≥ 85 cm, 2 kim tròn dài 17mm 1/2 vòng tròn phủ silicon.	36 sợi/ hộp	Sợi	2160	
20	Chỉ không tiêu đơn sợi số 7/0	Chỉ không tiêu đơn sợi phức hợp Polypropylene hoặc tương đương, số 7/0, chỉ dài ≥ 70 cm, 2 kim tròn 3/8 vòng tròn dài 10mm, phủ silicon.	36 sợi/hộp	Sợi	792	
21	Chỉ không tiêu đơn sợi khâu mạch máu số 6/0	Chỉ không tiêu đơn sợi phức hợp Polypropylene hoặc tương đương, số 6/0, chỉ dài ≥ 70 cm, 2 kim tròn 3/8 vòng tròn dài 10mm, phủ silicon.	36 sợi/hộp	Sợi	2340	
22	Chỉ không tiêu đơn sợi khâu mạch máu số 5/0 (kim 13mm)	Chỉ không tiêu đơn sợi phức hợp Polypropylene hoặc tương đương, số 5/0, chỉ dài ≥ 70 cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn dài 13mm, phủ silicon.	36 sợi/hộp	Sợi	3672	
23	Chỉ không tiêu đơn sợi khâu mạch máu số 4/0, kim 22mm	Chỉ không tiêu đơn sợi phức hợp Polypropylene hoặc tương đương, số 4/0, chỉ dài ≥ 85 cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn dài 22mm, phủ silicon.	36 sợi/hộp	Sợi	8316	
24	Chỉ không tiêu đơn sợi khâu mạch máu số 4/0, kim 17mm	Chỉ không tiêu đơn sợi phức hợp Polypropylene hoặc tương đương, số 4/0, chỉ dài ≥ 85 cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn dài 17mm, phủ silicon.	36 sợi/hộp	Sợi	900	
25	Chỉ không tiêu đơn sợi khâu mạch máu 8/0, kim 6mm	Chỉ không tiêu đơn sợi phức hợp Polypropylene hoặc tương đương, số 8/0, chỉ dài ≥ 60 cm, 2 kim tròn 3/8 vòng tròn dài 6mm, phủ silicon.	36 sợi/ hộp	Sợi	756	
26	Chỉ không tiêu đơn sợi khâu mạch máu 8/0	Chỉ không tiêu đơn sợi Polypropylene hoặc tương đương số 8/0, dài ≥ 60 cm, 2 kim tròn dài ≥ 6.5 mm 3/8 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molyp đen, Sắt, độ bền kéo của kim ≥ 2500 Mpa	36 sợi/ hộp	Sợi	324	
27	Chỉ khâu van tim số 2/0, kim 26mm	Chỉ không tan tổng hợp đa sợi polyester hoặc tương đương, dài ≥ 90 cm, 2 kim tròn đầu cắt dài 26mm, thân kim có rãnh 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molyp đen, Sắt, độ bền kéo của kim ≥ 2500 Mpa	60 sợi/ hộp	Sợi	4980	
28	Chỉ khâu van tim số 2/0, kim 17mm	Chỉ không tan tổng hợp đa sợi polyester hoặc tương đương, dài ≥ 90 cm, 2 kim tròn đầu cắt dài 17mm, thân kim có rãnh 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molyp đen, Sắt, độ bền kéo của kim ≥ 2500 Mpa	60 sợi/ hộp	Sợi	5040	
29	Sáp cầm máu xương	Miếng sáp cầm máu xương ≥ 2.5 gram. Thành phần: Sáp ong trắng $\geq 85\%$, Isopropyl Palmitate $\geq 15\%$, đóng gói tiệt trùng: 1 cái/túi	12 miếng/ hộp	Miếng	1452	
30	Vật liệu cầm máu dạng lưới mềm tự tiêu	Vật liệu cầm máu dạng lưới mềm tự tiêu, đường kính sợi $\leq 20\mu\text{m}$ bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp hoặc tương đương, trọng lượng $\leq 6.5\text{mg/cm}^2$, kích thước khoảng 10 x 20cm, có tính kháng khuẩn, tự tiêu sau 7 - 14 ngày.	12 miếng/ hộp	Miếng	1176	
31	Chỉ dệt không kim	Chỉ lùa không tiêu tự nhiên đa sợi số 1 dài ≥ 60 cm, không kim.	156 sợi/ hộp	Sợi	16848	
32	Chỉ không tiêu đơn sợi số 3/0, kim 24mm	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi cấu tạo Polyamide 6 hoặc tương đương số 3/0 dài ≥ 75 cm. Kim tam giác 3/8 vòng tròn dài 24mm.	36 sợi/hộp	Sợi	2160	
33	Chỉ không tiêu đơn sợi khâu mạch máu số 3/0, kim 26mm	Chỉ không tiêu đơn sợi phức hợp Polypropylene hoặc tương đương, số 3/0, chỉ dài ≥ 90 cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn dài 26mm, phủ silicon	36 sợi/hộp	Sợi	720	
34	Chỉ không tiêu đơn sợi khâu mạch máu số 5/0	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi polypropylene hoặc tương đương, số 5/0 dài ≥ 75 cm, 2 kim tròn đầu tròn dài ≥ 13 mm 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molyp đen, Sắt, độ bền kéo của kim ≥ 2500 Mpa.	12 sợi/ hộp	Sợi	1572	
35	Chỉ không tiêu khâu mạch máu số 5/0	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi polypropylene hoặc tương đương số 5/0 dài ≥ 90 cm, 2 kim tròn đầu cắt dài ≥ 17 mm 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molyp đen, Sắt, độ bền kéo của kim ≥ 2500 Mpa.	36 sợi/ hộp	Sợi	900	
36	Chỉ không tiêu khâu mạch máu số 4/0	Chỉ không tiêu đơn sợi polypropylene hoặc tương đương, số 4/0 dài ≥ 90 cm, 2 kim tròn đầu cắt dài ≥ 20 mm 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molyp đen, Sắt, độ bền kéo của kim ≥ 2500 Mpa.	12 sợi/ hộp	Sợi	2136	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu tối thiểu	Quy cách đóng gói tối thiểu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
37	Chỉ không tiêu đa sợi số 3/0	Chỉ không tiêu đa sợi polyester hoặc tương đương, số 3/0 dài ≥ 75 cm, 2 kim tròn đầu tròn, thân kim có rãnh, dài ≥ 22 mm 3/8 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molyb đen, Sắt, độ bền kéo của kim ≥ 2500 Mpa.	36 sợi/ hộp	Sợi	432	
38	Chỉ thay van tim sợi bền số 2/0, kim 18mm	Chỉ không tiêu đa sợi polyester hoặc tương đương, số 2/0, dài ≥ 75 cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn dài 18mm	10 sợi/tép 12 tép/Hộp	Sợi	3810	
39	Chỉ thay van tim sợi bền số 2/0, kim 25mm	Chỉ không tiêu đa sợi polyester hoặc tương đương, số 2/0, dài ≥ 90 cm, 2 kim tròn đầu cắt 1/2 vòng tròn dài 25mm.	10 sợi/tép 12 tép/Hộp	Sợi	3740	
40	Chỉ không tiêu đơn sợi số 7/0, kim 6.4mm	Chỉ không tiêu đơn sợi polypropylene hoặc tương đương, số 7/0, dài ≥ 60 cm, 2 kim tròn 3/8 vòng tròn dài 6.4mm	36 sợi/hộp	Sợi	216	
41	Chỉ thép số 5	Chỉ thép khâu xương ức số 5 bằng thép không gỉ dài ≥ 45 cm, kim tròn đầu cắt V-40 dài ≥ 48 mm, 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molyb đen, Sắt, độ bền kéo của kim ≥ 2500 Mpa.	48 sợi/hộp	Sợi	1824	
42	Chỉ thép số 1	Chỉ thép khâu xương ức số 1 bằng thép không gỉ dài ≥ 45 cm, 1 kim tròn đầu cắt V-37 dài ≥ 40 mm, 1/2 vòng tròn	48 sợi/hộp	Sợi	144	
43	Chỉ thép số 4	Chỉ thép khâu xương ức số 4 bằng thép không gỉ dài ≥ 45 cm, 1 kim tròn đầu cắt dài ≥ 48 mm, 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Niken, Titan, Chrome, Molyb đen, Sắt, độ bền kéo của kim ≥ 2500 Mpa.	48 sợi/ hộp	Sợi	48	
44	Chỉ không tiêu tổng hợp sợi bền số 2/0 (kim 26mm, có miếng đệm)	Chỉ sợi bền Polyester vỏ bọc Silicone số 2/0, dài ≥ 75 cm, có miếng đệm 6x3mm, 2 kim tròn, 1/2 vòng tròn dài ≥ 26 mm, phủ silicone.	48 sợi/hộp	Sợi	3936	
45	Chỉ không tiêu tổng hợp sợi bền số 2/0 (kim 17mm, có miếng đệm)	Chỉ sợi bền Polyester vỏ bọc Silicone số 2/0, dài ≥ 75 cm, có miếng đệm 6x3mm, 2 kim tròn, 1/2 vòng tròn dài ≥ 17 mm, phủ silicone.	48 sợi/hộp	Sợi	4176	
46	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bền polyglactine số 3/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi polyglactin 910 hoặc tương đương số 3/0 dài ≥ 70 cm, kim dài ≥ 26 mm 1/2 vòng tròn, tan hoàn toàn trong khoảng 50-70 ngày	36 sợi/ hộp	Sợi	576	
47	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bền polyglactine số 2/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi polyglactin 910 hoặc tương đương số 2/0 dài ≥ 70 cm, kim dài ≥ 26 mm 1/2 vòng tròn, tan hoàn toàn trong khoảng 50-70 ngày	36 sợi/ hộp	Sợi	1044	
48	Chỉ tiêu tổng hợp polyglactine số 0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 hoặc tương đương số 0 dài ≥ 70 cm, kim dài ≥ 37 mm 1/2 vòng tròn, tan hoàn toàn trong khoảng 50-70 ngày	36 sợi/ hộp	Sợi	3204	
49	Chỉ tiêu đa sợi số 2 (kim 40mm)	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 hoặc tương đương số 2 dài ≥ 70 cm, kim dài ≥ 40 mm 1/2 vòng tròn, tan hoàn toàn trong khoảng 50-70 ngày	36 sợi/ hộp	Sợi	360	
50	Clip titan kẹp mạch máu	Clip kẹp mạch máu chất liệu Titanium, kiểu WK hoặc V. Cỡ S+M	6 Cái/vi	Cái	27360	
51	Clip titan lấy động mạch vú trong	Clip kẹp mạch máu titan sử dụng lấy động mạch vú trong, cỡ S+M	6 Cái/vi	Cái	27360	
52	Xốp phủ vết thương loại trung bình	Miếng xốp dạng tổ ong bằng vật liệu polyurethane, không thấm nước, kích thước khoảng: 20cm x 13cm x 3cm nối với một ống hút dịch thân mềm và có 2 tấm xốp kích thước khoảng 20cm x30cm để dán bên ngoài	1 bộ/ 1 gói	Bộ	30	
53	Miếng vá màng tim bò cỡ 7x7	- Chất liệu bằng màng tim bò chất lượng cao. Độ dày collagen đồng nhất hoặc tương đương, độ bền kéo đặc biệt, không yêu cầu chỉ khâu đặc biệt. - Dễ dàng cắt theo hình dạng mong muốn. - Kích thước miếng vá 7x7cm - Độ dày từ khoảng 0.25mm đến 0.4mm	1 Miếng / 1 Hộp	Miếng	170	
54	Miếng vá nhân tạo 4x5cm	Miếng vá nhân tạo kích thước 4 x 5cm, chất liệu Polyester-Urethane hoặc tương đương, chống thấm tính đàn hồi cao.	2 Miếng/ hộp	Miếng	72	
55	Mạch máu nhân tạo thẳng, đường kính 8mm	Mạch máu nhân tạo thẳng chất liệu Polyester dệt hai lớp phủ Gelatine hoặc tương đương, dài ≥ 55 cm, đường kính 8mm.	1 chiếc/Hộp	Chiếc	51	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu tối thiểu	Quy cách đóng gói tối thiểu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
56	Mạch máu nhân tạo thẳng, đường kính 6mm	Mạch máu nhân tạo thẳng chất liệu Polyester dệt hai lớp phủ Gelatine hoặc tương đương, dài ≥ 55 cm, đường kính 6mm.	1 chiếc/Hộp	Chiếc	9	
57	Mạch nhân tạo chữ Y, đường kính (16*8) mm	Đoạn mạch nhân tạo chữ Y, chất liệu Polyester dệt hai lớp hoặc tương đương, tẩm nhuận bằng Gelatin bò hoặc tương đương, dài ≥ 40 cm, đường kính (16 x 8)mm	1 chiếc/ hộp	Chiếc	21	
58	Mạch nhân tạo chữ Y, đường kính (18*9)mm	Đoạn mạch nhân tạo chữ Y, chất liệu Polyester dệt hai lớp hoặc tương đương, tẩm nhuận bằng Gelatin bò hoặc tương đương, dài ≥ 40 cm, đường kính (18 x 9) mm.	1 chiếc/ hộp	Chiếc	7	
59	Mạch máu nhân tạo thẳng, đường kính 16mm	Đoạn mạch nhân tạo thẳng, chất liệu Polyester dệt hai lớp hoặc tương đương, tẩm nhuận bằng Gelatin bò hoặc tương đương, đường kính 16mm, dài ≥ 15 cm	1 chiếc/ Hộp	Chiếc	8	
60	Mạch máu nhân tạo thẳng, đường kính 20mm	Đoạn mạch nhân tạo thẳng, chất liệu Polyester dệt hai lớp hoặc tương đương, tẩm nhuận bằng Gelatin bò hoặc tương đương, đường kính 20mm, dài ≥ 30 cm.	1 chiếc/ hộp	Chiếc	20	
61	Mạch máu nhân tạo thẳng, đường kính 24mm	Đoạn mạch nhân tạo thẳng, chất liệu Polyester dệt hai lớp hoặc tương đương, tẩm nhuận bằng Gelatin bò hoặc tương đương, đường kính 24mm, dài ≥ 30 cm.	1 chiếc/ hộp	Chiếc	18	
62	Mạch máu nhân tạo thẳng, đường kính 26mm	Đoạn mạch nhân tạo thẳng, chất liệu Polyester dệt hai lớp hoặc tương đương, tẩm nhuận bằng Gelatin bò hoặc tương đương, đường kính 26mm, dài ≥ 30 cm.	1 chiếc/ hộp	Chiếc	30	
63	Mạch máu nhân tạo thẳng, đường kính 28mm	Đoạn mạch nhân tạo thẳng, chất liệu Polyester dệt hai lớp hoặc tương đương, tẩm nhuận bằng Gelatin bò hoặc tương đương, đường kính 28mm, dài ≥ 30 cm.	1 chiếc/Hộp	Chiếc	30	
64	Mạch máu nhân tạo thẳng, đường kính 30mm	Đoạn mạch nhân tạo thẳng, chất liệu Polyester dệt hai lớp hoặc tương đương, tẩm nhuận bằng Gelatin bò hoặc tương đương, đường kính 30mm, dài ≥ 30 cm.	1 chiếc/ hộp	Chiếc	12	
65	Mạch máu nhân tạo ePTFE thẳng 3.5mm x 50cm, không vòng xoắn	Chất liệu ePTFE hoặc tương đương, không vòng xoắn, độ dày thành mạch ≥ 0.63 mm. Đường kính trong 3.5mm, dài 50cm.	1 chiếc/ Hộp	Chiếc	2	
66	Mạch máu nhân tạo ePTFE thẳng 4mm x 50cm, không vòng xoắn	Chất liệu ePTFE hoặc tương đương, không vòng xoắn, độ dày thành mạch ≥ 0.63 mm. Đường kính trong 4mm, dài 50cm.	1 chiếc/ Hộp	Chiếc	2	
67	Mạch máu nhân tạo thẳng 5mm x 50cm, không vòng xoắn	Chất liệu ePTFE hoặc tương đương, không vòng xoắn, độ dày thành mạch ≥ 0.63 mm. Đường kính trong 5mm, dài 50cm.	1 cái/ hộp	Chiếc	1	
68	Mạch máu nhân tạo thẳng cỡ 5mm x 50cm, có vòng xoắn	Chất liệu ePTFE hoặc tương đương, có vòng xoắn, độ dày thành mạch ≥ 0.63 mm. Đường kính trong 5mm, dài 50cm	1 cái/ Hộp	Chiếc	2	
69	Keo sinh học vá mạch máu và màng não	- Chứa Albumin huyết thanh bò và $\geq 60\%$ nước, được tạo thành từ huyết thanh Albumin bò $\geq 40\%$ và glutaraldehyde $\geq 10\%$ hoặc tương đương. - Thể tích: ≥ 5 ml - Chịu được áp lực hơn 450mmHg.	1 tuýp/ hộp	Tuýp	180	
70	Bộ dụng cụ cố định mạch vành	- Giác hút tự động - Trục tay dài, đầu liên kết nhỏ	1 cái/hộp	cái	6	
71	Dụng cụ dẫn lưu lòng động mạch vành	- Thân mềm bằng chất liệu silicone hoặc tương đương, đầu nhọn, tag chắn xạ. - Kích thước ≤ 3 mm	5 cái/ hộp	cái	15	
72	Dụng cụ dẫn lưu lòng động mạch vành tạm thời	- Đầu bằng silicone, hình nón có các cỡ tối thiểu 1.25mm, 1.5mm, 1.75mm - Trục dài ≤ 12 mm	1 cái/ hộp	cái	6	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu tối thiểu	Quy cách đóng gói tối thiểu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
73	Cannulae gốc động mạch chủ dùng cho mổ mics các số	Cannula gốc động mạch chủ ít xâm lấn các cỡ 12 ga (9Fr), 14 ga (7Fr), dài ≥ 30 cm, đầu có vành tiêu chuẩn, cannula có chức năng duy trì quá trình cầm máu khi rút đầu kim ra.	10 cái/ hộp	cái	60	
74	Cannulae động mạch đầu thẳng	Cannulae động mạch đầu vát, thuận dài, một mảnh, chống xoắn, có đường đánh dấu hướng vát và một nắp co nối, dài ≥ 30 cm, cỡ 20Fr	20 cái/ hộp	cái	24	
75	Cannulae truyền động mạch vành các cỡ	Cannulae truyền động mạch vành cỡ 12Fr có đầu rẽ cong 45 độ hoặc 90 độ, trục làm từ thép không gỉ, kết nối bằng luer cái, dài ≥ 19 cm	10 cái/ hộp	cái	48	
76	Cannulae gốc động mạch chủ các cỡ	Cannulae gốc động mạch chủ, đầu chấn xạ gắn có kim chọc mạch làm từ thép không gỉ hoặc tương đương. Chiều dài ≥ 14.0 cm, có tối thiểu các cỡ 12 ga (9 Fr), 14 ga (7 Fr), 16 ga (5Fr)	20 cái/ hộp	cái	24	
77	Cannulae tĩnh mạch thẳng các cỡ 32Fr, 34Fr, 36Fr	Cannulae tĩnh mạch 1 tầng đầu thẳng, thiết kế thon dần, nhiều lỗ bên, chống xoắn, co nối 3/8" hoặc 1/2 hoặc 1/4 dài từ 30.5- 40.6 cm, có tối thiểu các cỡ các cỡ 32Fr, 34Fr, 36Fr.	10 cái/ hộp	cái	36	
78	Cannulae tĩnh mạch cong các cỡ	Cannulae DLP tĩnh mạch 1 tầng đầu kim loại cong, đầu vát, có nhiều lỗ và thân chống xoắn, co nối 1/4 in –3/8 in dài 35.6 cm các cỡ 12Fr đến 28Fr	10 cái/ hộp	cái	36	
79	Cannulae động mạch trẻ em các cỡ 6Fr, 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr	Cannulae động mạch trẻ em, đầu vát, một mảnh, chống xoắn, có điểm đánh dấu độ sâu, dài ≥ 22.5 cm, có tối thiểu các cỡ 6Fr , 8Fr , 10Fr, 12Fr, 14Fr.	5 cái/ hộp	cái	30	
80	Cannulae động mạch, tĩnh mạch đùi dùng trong mổ nội soi các cỡ	Cannulae động mạch đùi, tĩnh mạch đùi thiết kế nhiều lỗ bên, marker đánh dấu độ sâu, chiều dài từ 7 in đến 21 in, có tối thiểu các cỡ 14Fr, 17Fr, 21Fr	4 cái/ hộp	cái	24	
81	Cannulae động mạch đùi Biomedicus	Cannulae động mạch đùi/ tĩnh mạch cảnh, các cỡ 15Fr - 25Fr (cụ thể các cỡ: 15Fr, 17Fr, 19Fr, 21Fr, 23Fr, 25Fr), có thành mỏng và thân chống xoắn linh hoạt, có vòng chỉ chấn xạ, co nối 3/8, dài ≥ 31 cm, đầu tip ≥ 18 cm. Nắp silicon và chọc mạch làm từ PVC non-phtalate.	1 cái/hộp	cái	20	
82	Cannulae tĩnh mạch 1 tầng các cỡ	Cannulae tĩnh mạch 1 tầng đầu kim loại cong, đầu vát, có nhiều lỗ và thân chống xoắn, co nối 1/4 hoặc 3/8in, dài ≥ 35 cm, có tối thiểu các cỡ các cỡ 12Fr, 14Fr, 16Fr	10 cái/ hộp	cái	20	
83	Cannulae tĩnh mạch 2 tầng	Cannulae tĩnh mạch 2 tầng chống xoắn, đầu có lỗ bên và có đánh dấu độ sâu, cỡ 36/46 Fr với co nối 1/2 in, chiều dài ≥ 38 cm	10 cái/ hộp	cái	24	
84	Cannulae gốc động mạch chủ 4Fr	Cannulae gốc động mạch chủ với đầu chấn xạ, gắn với thân PVC hoặc tương đương, cỡ 4 Fr (18 ga), dài ≥ 6 cm.	20 cái/ hộp	cái	24	
85	Canuyn bóng ngược dòng	- Cannulae DLP truyền dịch liệt tim ngược dòng bụng thủ công, làm từ silicone, bụng thủ công với đường theo dõi áp suất. - Kích cỡ 15Fr, chiều dài ≥ 31 cm.	10 cái/ hộp	cái	12	
86	Bộ dụng cụ dẫn đường động mạch, tĩnh mạch cảnh	Bộ dụng cụ dẫn đường động mạch, tĩnh mạch cảnh bao gồm: - Dây dẫn đường kính ≥ 0.038 ", chiều dài ≥ 100 cm, kèm ống tiêm 10cc - Dụng cụ nong mạch - Kim 18ga - Dao mổ số 11	5 bộ/ hộp	cái	9	
87	Cannulae hút tim trái các loại các cỡ	- Cannulae có đầu nhiều lỗ. - Đầu cannulae nối với một ống kết thúc bằng co nối 1/4in hoặc 3/8in hoặc 1/2in, các cỡ 12Fr, 20Fr.	20 cái/ hộp	cái	60	
88	Đầu đốt đơn cực dùng trong phẫu thuật Maze điều trị rung nhĩ	- Thiết bị phẫu thuật rung nhĩ bằng sóng cao tần iRF, công nghệ iRF kết hợp dung dịch muối. - Có ống phân phối chất lỏng nước muối chiều dài ≥ 300 cm. - Trục thép không gỉ với vỏ bọc silicone/fluoropolymer hoặc tương đương dài 8.0cm, 20cm.	1 cái/ hộp	cái	60	
89	Kit thử đo độ đông máu	Bộ ống mẫu cho máy đo độ đông máu ACT Plus	50 test/ hộp	Test	3048	
90	Đầu nối thẳng (Racord) 2 đầu đực (Male-Male)	Đầu nối thẳng 2 đầu đực dùng để nối 2 đầu chờ của 2 catheter với nhau, chất liệu Polycarbonat hoặc tương đương.	Hộp 100 cái	Cái	1338	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu tối thiểu	Quy cách đóng gói tối thiểu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
91	Ổng thông động mạch DLP	- Ổng thông này có một ống polyurethane với một đầu cân phóng xạ hình bóng đèn được nối với một luer. Chiều dài tổng thể 2,3 inch (5,8 cm)	20 cái/ hộp	cái	60	
92	Van động mạch chủ sinh học từ màng ngoài tim bò	Van động mạch chủ sinh học gồm ba lá van riêng rẽ làm từ màng ngoài tim bò được gắn lên khung hợp kim Elgiloy hoặc tương đương - Lá van được xử lý bằng công nghệ ThermoFix hoặc tương đương - Vòng khung có thể mở rộng bằng bóng áp lực cao. Vòng khâu van có đánh dấu 3 vị trí giữa các lá van - Đế van mỏng, chiều cao van thấp - Đường kính trong của van chỉ nhỏ hơn cỡ van 1mm - Kích cỡ tối đa ≤ 29 mm.	Hộp 1 cái	Cái	100	
93	Van động mạch chủ sinh học cao cấp	Van động mạch chủ sinh học gồm ba lá van riêng rẽ làm từ màng ngoài tim bò được gắn lên khung hợp kim Cobalt-Chromium hoặc tương đương - Khung có thể mở rộng bằng bóng áp lực cao. Vòng khâu van có đánh dấu 3 vị trí giữa các lá van. - Đế van mỏng, chiều cao van thấp - Đường kính trong của van chỉ nhỏ hơn cỡ van 1mm - Kích cỡ tối đa ≤ 29 mm.	Hộp 1 cái	Cái	2	
94	Van hai lá, động mạch chủ sinh học	- Loại van sinh học hai lá và van sinh học động mạch chủ - Thiết kế và chất liệu: + Cánh van làm từ lá van tim lợn, khung van được phủ màng ngoài tim bò + Vòng van có đánh dấu cân quang + Khung van làm từ FlexFit hoặc Titan hoặc tương đương. - Có tối thiểu các cỡ: 25, 27, 29, 31, 33 mm (Van hai lá) và 19, 21, 23, 25, 27, 29 mm (Van động mạch chủ)	Hộp 1 cái	Cái	30	
95	Van tim nhân tạo sinh học động mạch chủ, hai lá chất liệu màng ngoài tim bò	- Van tim nhân tạo sinh học động mạch chủ, hai lá loại có khung, cánh van được làm bằng màng ngoài tim bò. - Van hai lá được phủ chất tương thích sinh học carbofilm hoặc tương đương. - Van động mạch chủ có đánh dấu vị trí khâu, được xử lý theo công nghệ giảm Phospholipid hoặc tương đương.	1 cái/ hộp	Cái	24	
96	Van hai lá sinh học từ màng ngoài tim bò	Van hai lá sinh học gồm ba lá van riêng rẽ làm từ màng ngoài tim bò được gắn lên khung hợp kim Cobalt-Chromium hoặc tương đương - Cấu trúc đáy van cong kiểu yên ngựa, khung bất đối xứng với phần phía lá trước dày hơn - Lá van được xử lý bằng công nghệ ThermoFix hoặc tương đương - Kích cỡ tối đa ≤ 33mm.	1 cái/ hộp	Cái	40	
97	Van tim cơ học tính năng cao (Cả hai lá và động mạch chủ)	- Van tim nhân tạo cơ học hai lá, động mạch chủ có cánh van làm từ Pyrolite Carbon hoặc tương đương - Góc mở cánh van ≥ 78 độ. - Khung van ngoài làm từ Pyrolite Carbon hoặc tương đương, khung bên trong được làm bằng Titanium hoặc tương đương. - Van hai lá được thiết kế có thể đặt ở bất cứ vị trí nào trên lỗ van. - Van động mạch chủ có thiết kế ngồi trên lỗ van.	1 cái/ hộp	Cái	78	
98	Van tim cơ học tính năng cao hai lá, động mạch chủ các cỡ	Loại van tim cơ học hai lá/động mạch chủ. - Chất liệu khung và cánh van: carbon nhiệt phân tinh khiết pure pyrolytic carbon hoặc tương đương. - Góc mở cánh van ≥ 90 độ, đầu ra dạng loe. - Vòng khâu làm bằng Polytetrafluoroethylene hoặc tương đương, thiết kế kiểu vòng khâu đa dạng: + Van hai lá có tối thiểu các cỡ 25mm, 27/29mm và 31/33 mm + Van động mạch chủ có tối thiểu các cỡ: 19mm, 21mm, 23mm, 25mm, 27/29 mm	01 Cái /Hộp	Cái	252	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu tối thiểu	Quy cách đóng gói tối thiểu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
99	Van tim nhân tạo cơ học hai lá, động mạch chủ	Van nhân tạo cơ học hai lá, động mạch chủ, được làm bằng: pyrolytic carbon hoặc tương đương. - Van cơ học thiết kế gờ nổi - Góc đóng cánh van $\leq 25^\circ$, góc mở cánh van $\geq 85^\circ$ - Kích thước: + Van cơ học hai lá có tối thiểu các size: 25mm, 27mm, 29mm, 31mm, 33mm tương ứng với diện tích khả dụng: 3,17cm²; 3,84cm²; 4,59cm²; 5,35cm²; 5,35cm². + Van cơ học động mạch chủ có tối thiểu các size: 19mm, 21mm, 23mm, 25mm tương ứng với diện tích khả dụng: 1,55cm²; 2,02cm²; 2,56cm²; 3,17cm².	1 cái/ hộp	cái	78	
100	Van động mạch chủ cơ học, van hai cánh cao cấp	- Van tim nhân tạo, tráng hợp chất Pyrolytic Carbon hoặc tương đương, tương thích sinh học chống huyết khối. - Cánh van mở rộng $\geq 85^\circ$, tỷ số lỗ hở/ vành $\geq 84\%$ - Vòng van có đánh dấu, có khả năng uốn theo ôm khít vành van cũ. - Vòng van và lá van có thiết kế kiểu ngồi trên đường viền van tự nhiên. Chiều cao van thấp. - Có tính cân quang, tương thích khi chụp cộng hưởng từ. - Có nhiều các kích cỡ thích hợp với các bệnh nhân khác nhau, tối thiểu có các cỡ 17, 19, 21, 23, 25, 27, 29 mm	Hộp. 1 cái	Cái	60	
101	Van hai lá cơ học, tương thích MRI có khả năng kháng tạo huyết khối	- Cánh van mở rộng đến $\leq 85^\circ$ - Tương thích khi chụp cộng hưởng từ. - Lá van làm bằng chất liệu Pyrolytic carbon hoặc tương đương. - Vòng van có đánh dấu vị trí khâu van. - Có nhiều các kích cỡ thích hợp với các bệnh nhân khác nhau: kích thước vòng van 19, 21, 23, 25, 27, 29, 31, 33mm.	Hộp 1 cái	Cái	100	
102	Van tim nhân tạo động mạch chủ kèm đoạn mạch chủ	Loại van tim nhân tạo cơ học kèm đoạn động mạch chủ. - Ống ghép động mạch chủ lên có cấu trúc valsalva mô phỏng cấu tạo hình học xoang. - Van động mạch chủ chất liệu carbon nhiệt phân tinh khiết hoặc tương đương - Góc mở lá van $\geq 90^\circ$, đầu ra dạng loa. - Vòng khâu làm bằng PTFE hoặc tương đương. - Tối thiểu các cỡ 19mm, 21mm, 23mm, 25mm, 27/29mm	Hộp 1 cái		9	
103	Van tim sinh học kèm đoạn mạch phổi các cỡ	Van tim sinh học kèm ống động mạch phổi chất liệu từ tĩnh mạch cảnh của bò - Chiều dài ≤ 10cm - Có các cỡ số chẵn từ 12mm đến 22mm	1 cái/ hộp	cái	18	
104	Ống nối tim sinh học có gắn sẵn van	- Ống nối tim sinh học có gắn sẵn van, chất liệu từ màng ngoài tim bò, có dạng xếp nếp, thân ống có các rãnh lõi. - Các lá van được làm từ van tim của heo. - Đường kính ống nối các cỡ số lẻ từ 5mm đến 29mm. Chiều dài ≤ 12cm.	1 cái/ hộp	Cái	6	
105	Vòng van tim hai lá, ba lá	- Vòng van hai lá loại nửa cứng nửa mềm, lõi được làm bằng hợp kim Nikel-Titanium hoặc tương đương, khung được làm từ sợi PET được phủ Carbofilm hoặc tương đương. - Vòng van ba lá loại mềm, có lõi Silicone hoặc tương đương được phủ Bari Sulfate hoặc tương đương, có tính cân quang; được phủ Carbofilm hoặc tương đương, có đánh dấu định vị khi khâu.	1 cái/ hộp	Cái	150	
106	Vòng van nhân tạo ba lá thể hệ mới các cỡ	- Hình dạng: vòng van ba lá loại hở, dạng 3D, vòng cứng - Chất liệu lõi: Titanium hoặc hợp kim titanium hoặc nitinol hoặc Cobalt-Chromium - Vòng van phủ: Carbofilm hoặc silicone hoặc tương đương, bọc bên ngoài bởi vải polyester hoặc tương đương. - Có tối thiểu các cỡ: 26mm, 28mm, 30mm, 32mm, 34mm	1 Cái/ Hộp	cái	36	
107	Vòng van nhân tạo hai lá thể hệ mới các cỡ	- Hình dạng: vòng van hai lá loại kín, dạng 3D, vòng cứng - Chất liệu lõi: Titanium hoặc hợp kim titanium hoặc nitinol hoặc Cobalt-Chromium - Vòng van phủ: Silicone hoặc carbofilm hoặc tương đương, bọc bên ngoài bởi vải polyester hoặc tương đương. - Có tối thiểu các cỡ: 26mm, 28mm, 30mm, 32mm, 34mm, 36mm	1 Cái/ Hộp	cái	42	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu tối thiểu	Quy cách đóng gói tối thiểu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
108	Vòng van tim nhân tạo hai lá loại bán cứng, vòng khít	Vòng van nhân tạo cong hình yên ngựa, vòng kín, lõi là bốn dải Cobalt-Chromium xen kẽ với các lớp polyester - Hình dạng yên ngựa tối ưu, từ dạng chữ "D" đến hình dạng Oval ở các cỡ tăng dần. - Có ba marker bằng chỉ màu xanh - Tháo tay cầm dễ dàng với chỉ một nhát cắt. - Kích cỡ từ 24-40mm.	1 cái/ hộp	Cái	102	
109	Phổi nhân tạo kèm dây cho các hạng cân	Phổi nhân tạo dành cho bệnh nhân dưới 8kg: - Lưu lượng máu tối đa: $\leq 800\text{ml/phút}$ - Diện tích bề mặt màng: $\geq 0,34\text{m}^2$ - Diện tích bề mặt trao đổi nhiệt: $\geq 0,02\text{m}^2$ - Thể tích bình chứa tĩnh mạch: $\geq 675\text{ml}$ - Thể tích dịch mỗi: $\geq 60\text{ml}$ Phổi nhân tạo dành cho bệnh nhân dưới 20kg: - Lưu lượng máu tối đa: $\leq 2300\text{ml/phút}$ - Diện tích bề mặt màng: $\geq 0,64\text{m}^2$ - Diện tích bề mặt trao đổi nhiệt: $\geq 0,02\text{m}^2$ - Thể tích bình chứa tĩnh mạch: $\geq 1800\text{ml}$ - Thể tích dịch mỗi: $\geq 105\text{ml}$ Phổi nhân tạo dành cho bệnh nhân người lớn với lưu lượng máu tối đa lên đến $\geq 6000\text{ml/phút}$: - Diện tích màng lọc: $\geq 1,4\text{m}^2$ - Lưu lượng máu tối đa: $\geq 6000\text{ml/phút}$ - Thể tích bình chứa: $\geq 4500\text{ml}$ - Thể tích bình chứa tối thiểu để hoạt động: $\geq 150\text{ml}$ Phổi nhân tạo dành cho bệnh nhân người lớn với lưu lượng máu tối đa lên đến $\geq 8000\text{ml/phút}$: - Diện tích màng lọc: $\geq 1,75\text{m}^2$ - Lưu lượng máu tối đa: $\geq 8000\text{ml/phút}$ - Diện tích phần trao đổi nhiệt: $\geq 0,43\text{m}^2$ - Thể tích bình chứa: $\geq 4500\text{ml}$ - Thể tích bình chứa tối thiểu để hoạt động: $\geq 150\text{ml}$ Bộ dây được bao gồm các đoạn dây PVC, Silicone hoặc tương đương. Có kèm ống hút, nút nối, cannulae hút được tích hợp sẵn trong bộ dây ; được chia làm 2 gói Bộ dây đóng gói theo thiết kế phù hợp với hạng cân.	02 bộ/ thùng	Bộ	420	
111	Phổi nhân tạo dùng cho trẻ em cho hạng cân <10kg	- Thể tích dịch mỗi: $\leq 250\text{ml}$ - Diện tích màng lọc: $\geq 0,5\text{m}^2$ - Lưu lượng máu tối đa: $\geq 1,5\text{ lít /phút}$ - Thể tích bình chứa: $\geq 1000\text{ml}$ Kèm Bộ dây chất liệu PVC hoặc tương đương để kết nối với máy tim phổi nhân tạo	Hộp 1 bộ	Bộ	180	
112	Phổi nhân tạo tích hợp phin lọc động mạch cho các hạng cân	1. Phổi nhân tạo dùng cho bệnh nhân dưới 10kg: - Phin lọc động mạch tích hợp. - Thể tích dịch mỗi: $\leq 260\text{ml}$ - Diện tích màng lọc: $\geq 0,5\text{m}^2$ - Diện tích màng lọc động mạch: $\geq 120\text{cm}^2$ - Lưu lượng máu tối đa: $\geq 1,5\text{ lít /phút}$ - Thể tích bình chứa: $\geq 1000\text{ml}$ 2. Phổi nhân tạo dùng cho bệnh nhân trên 10kg: - Phin lọc động mạch tích hợp. - Thể tích dịch mỗi: $\leq 260\text{ml}$ - Diện tích màng lọc: $\geq 1,5\text{m}^2$ - Diện tích màng lọc động mạch: $\geq 350\text{cm}^2$ - Lưu lượng máu tối đa: $\geq 1,5\text{ lít /phút}$ - Thể tích bình chứa: $\geq 3000\text{ml}$ Kèm Bộ dây chất liệu PVC hoặc tương đương để kết nối với máy tim phổi nhân tạo	Hộp 1 bộ	Bộ	480	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu tối thiểu	Quy cách đóng gói tối thiểu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
113	Phổi nhân tạo tích hợp phin lọc động mạch dùng cho người lớn trên 40kg kèm dây dẫn	- Bộ phổi nhân tạo có tích hợp phin lọc động mạch, sử dụng công nghệ tạo bó sợi từng lớp. + Thể tích mỗi tĩnh: $\geq 260\text{ml}$ + Diện tích lớp màng: $\geq 1,5\text{m}^2$, có màng lọc bên trong với kích thước lỗ lọc ≤ 25 micromet + Dung tích bình chứa: $\geq 4500\text{ml}$ + Lưu lượng máu tối đa: 7 lít/ phút - Bộ dây dẫn chạy tim phổi nhân tạo đi kèm, chất liệu PVC, silicone hoặc tương đương, bao gồm 4 gói: gói dùng trên bơm, gói dùng tại bàn phẫu thuật, gói co nối và gói hút.	1 bộ/ hộp	Bộ	120	
114	Phổi nhân tạo dùng cho trẻ em hạng cân 10-20kg kèm dây dẫn	- Phổi nhân tạo bao gồm: + Diện tích bề mặt màng: $\geq 0,5\text{m}^2$ + Thể tích mỗi: $\geq 48\text{ml}$ + Bề mặt được phủ: Balance Biosurface hoặc tương đương + Thể tích bình chứa: $\geq 1200\text{ml}$ - Bộ dây dẫn chạy tim phổi nhân tạo cho trẻ em đi kèm, chất liệu PVC, silicone hoặc tương đương, bao gồm 3 gói: gói dùng trên bơm, gói dùng tại bàn phẫu thuật và gói co nối.	Phổi: 4 bộ/ thùng Dây: 1 bộ/ hộp	Bộ	50	
115	Quả lọc máu kèm dây dẫn và túi dịch, cho người lớn trẻ em	- Quả lọc máu có cấu tạo bởi màng polyethersulfone hoặc tương đương, có tính tương thích sinh học cao. - Lọc được tối thiểu các chất: Urea, Creatine, Phosphates, Vitamine B12. + Diện tích bề mặt tối thiểu: $\leq 0,25\text{m}^2$ cho trẻ nhỏ và $\geq 0,68\text{m}^2$ cho người lớn + Thể tích dịch mỗi: $\geq 45\text{ml}$ cho trẻ nhỏ và $\geq 137\text{ml}$ cho người lớn + Áp lực tối đa: $\geq 66\text{kPa}$ - Dây dẫn quả lọc máu kèm túi đựng chất thải.	4 quả/ thùng	Quả	300	
116	Quả lọc máu cho người lớn và trẻ em	- Lọc được các chất Albumin, Myoglobin, Inulin, Vitamin B12. + Tiết diện màng lọc tối thiểu: $\leq 0,3\text{m}^2$ cho trẻ em và $\geq 1,1\text{m}^2$ cho người lớn + Thể tích dịch mỗi: $\geq 22\text{ml}$ cho trẻ em và $\geq 70\text{ml}$ cho người lớn + Tốc độ dòng máu tối thiểu 100ml/phút, tối đa 500ml/phút + Áp lực tối đa: $\geq 66\text{kPa}$ + Kèm bộ dây dẫn và túi dịch	1 bộ/ hộp	Quả	240	
117	Quả lọc máu và hệ thống dây dẫn đi kèm trong lọc máu liên tục cho người lớn	- Quả lọc máu kèm bộ dây dẫn. - Chất liệu sợi lọc AN69HF hoặc tương đương - Thể tích máu: $\leq 160\text{ml}$ - Diện tích màng hiệu dụng: $\geq 0,8\text{m}^2$ - Thể tích mỗi máu (Chỉ ở quả lọc): $\leq 70\text{ml}$ - Tốc độ dòng máu từ ≤ 80 ml/phút đến ≥ 400 ml/phút	4 bộ/ thùng	Bộ	180	
118	Quả lọc máu và hệ thống dây dẫn đi kèm trong lọc máu liên tục có hấp phụ cytokin và nội độc tố	- Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn có 3 chức năng: loại bỏ Cytokine, loại bỏ nội độc tố, lọc máu liên tục (loại bỏ dịch và độc tố Urê huyết) - Chất liệu: Sợi rỗng AN69 hoặc tương đương - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate hoặc tương đương - Thể tích máu trong quả lọc: $\leq 200\text{ml}$ - Diện tích màng: $\geq 1,4\text{m}^2$ - Tốc độ máu từ ≤ 100 đến ≥ 450 ml/ phút	4 bộ/ thùng	Bộ	24	
119	Quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn cho người lớn	- Quả lọc tách huyết tương được kết nối sẵn với bộ dây dẫn: - Thể tích máu của cả bộ quả lọc $\leq 130\text{ml}$ - Diện tích màng hiệu dụng $\geq 0,35\text{m}^2$ - Chất liệu màng lọc Polypropylene hoặc tương đương - Thể tích máu trong sợi lọc $\leq 50\text{ml}$ - Tốc độ máu từ ≤ 100 ml/phút đến ≥ 400 ml/phút	4 bộ/ thùng	Bộ	6	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu tối thiểu	Quy cách đóng gói tối thiểu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
120	Bộ phổi ECMO hoàn chỉnh bao gồm dây dẫn máu và đầu bơm ly tâm	Loại phổi ECMO phù hợp với máy tuần hoàn ngoài cơ thể của Terumo - Đóng gói đồng bộ phổi + dây dẫn máu + đầu bơm ly tâm - Tráng chất chống đông - Diện tích màng lọc $\geq 2,5m^2$ - Tổng thể tích mỗi máu: $\leq 650ml$ - Lưu lượng tối đa: ≥ 7 lít/phút	Hộp 1 bộ	Bộ	23	
121	Màng trao đổi oxy ECMO dùng cho người lớn	- Thời gian sử dụng phổi tối đa ≥ 14 ngày - Lưu lượng máu tối đa ≥ 7 lít/phút - Lưu lượng khí tối đa ≥ 14 lít/phút - Thể tích mỗi ≤ 215 ml - Diện tích bề mặt trao đổi khí $\geq 1,8 m^2$ - Diện tích bề mặt trao đổi nhiệt $\geq 0,4 m^2$	Hộp 1 bộ	Bộ	10	
122	Màng trao đổi oxy không kèm dây dẫn dùng cho trẻ em dưới 20kg	- Thời gian sử dụng phổi tối đa ≥ 14 ngày - Lưu lượng máu tối đa $\geq 2,8$ lít/phút - Lưu lượng khí tối đa $\geq 5,6$ lít/phút - Thể tích mỗi ≤ 90 ml - Diện tích bề mặt trao đổi khí $\geq 0,8 m^2$ - Diện tích bề mặt trao đổi nhiệt $\geq 0,15 m^2$ - Phủ chất chống đông máu	Hộp 1 bộ	Bộ	2	
123	Bộ dây dẫn tuần hoàn dùng cho trẻ em dưới 20 kg	Bộ dây dẫn tuần hoàn phủ chất chống đông máu gồm 2 đường động mạch và tĩnh mạch - Chiều dài: + Đường máu vào ≥ 215 cm + Đường máu ra ≥ 250 cm	Hộp 1 bộ	Bộ	2	
124	Cannulae động mạch tĩnh mạch Ecmo	Bộ cannulae bao gồm cannulae và dụng cụ mở đường vào mạch máu. - Cannulae có tráng chất chống đông, đường kính ngoài $\geq 5,5mm$; chiều dài $\geq 15cm$ - Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu gồm: 2 que nong dài $\geq 15cm$, cỡ $\geq 8Fr$; dây dẫn đường dài $\geq 80cm$; ống tiêm; dao mổ	1 cái/ hộp	Cái	26	
125	Bộ dây dẫn đường tĩnh mạch, động mạch	- Bộ gồm ống nong, dây dẫn hướng, dao mổ nhỏ, bơm tiêm, kim tiêm - Chiều dài ≥ 100 cm	Hộp 1 bộ	Bộ	30	
126	Cannulae tĩnh mạch ECMO các loại các cỡ	- Phủ chất chống đông máu - Thời gian sử dụng tối đa ≥ 30 ngày - Các cỡ đường kính từ 19Fr đến 29Fr, chiều dài $\geq 38cm$	Hộp 1 cái	Cái	50	
127	Cannulae động mạch ECMO các loại các cỡ	- Phủ chất chống đông máu - Thời gian sử dụng tối đa ≥ 30 ngày - Các cỡ đường kính từ 15 Fr đến 23 Fr, chiều dài $\geq 15cm$	Hộp 1 cái	Cái	45	
128	Dụng cụ mở đường bằng coil kim loại (chiều dài 24-100cm)	Dụng cụ mở đường với chức năng chốt tự động, với cổng nằm phía bên/van cầm máu và đính kèm stopcock 3 ngã. Bề mặt của sheath phủ lớp ái nước và đầu tip có đánh dấu cân quang. Dây dẫn dạng cuộn kim loại quanh thân giúp sheath linh hoạt qua tổn thương ngoài ngoèo, không bị gập xoắn và phù hợp cho động mạch thận, mạch cảnh và thủ thuật xuyên vách. Chiều dài 24cm, 35cm, 45cm, 65cm, 80cm, 90cm, 100cm, đường kính 5Fr - 11Fr.	Hộp 1 cái	Cái	10	
Tổng cộng: 128 mặt hàng						